

DANH SÁCH XẾP LỚP 10 NĂM HỌC: 2022-2023 -TIẾNG PHÁP

Stt	Số hồ sơ	SBD	Ngoại ngữ	Họ và tên		Lớp học	Tính chất lớp	Ghi chú
1		105933	fief	BÙI THANH	TRÚC	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
2		102715	Pháp	ĐỖ MINH	DUY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
3		105904	fief	HOÀNG DIỄM	HẠNH	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
4		102719	Pháp	HOÀNG ĐỨC	KHANG	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
5		146639	fief	LÊ BẢO	HÂN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
6		105923	Pháp	LÊ MINH	TÂM	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
7		146651	fief	LÊ QUÝ	NHÂN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
8		105894	Pháp	NGÔ GIA	BAO	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
9		105921	fief	NGŨ TIÊU	PHƯƠNG	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
10		119455	Pháp	NGUYỄN CHỈ	HÙNG	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
11		105902	fief	NGUYỄN GIA	HÂN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
12		102721	fief	NGUYỄN HÀ	MY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
13		105885	Pháp	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	ANH	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
14		146658	Pháp	NGUYỄN HỮU	THIỆN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
15		146659	Pháp	NGUYỄN MINH	THÚ	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
16		146662	fief	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
17		105914	Pháp	NGUYỄN PHI	LONG	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
18		102733	Pháp	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
19		105913	Pháp	NGUYỄN THANH SƠN	LÂM	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
20		119470	Pháp	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYÊN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
21		102730	fief	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
22		111459	fief	PHẠM ĐĂNG	KHOA	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
23		146656	fief	THAI HẠ	QUYNH	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
24		119463	Pháp	TRẦN ĐỨC	NHÂN	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
25		119472	fief	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	VY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
26		119456	fief	TRẦN TÂN	HÙNG	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
27		119459	Pháp	TRANG THIÊN	KIM	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
28		119466	fief	TRƯƠNG ĐẠI	PHÚ	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	
29		105906	Pháp	TRƯƠNG QUỐC	HUY	10P	KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 (pháp)	